

Bản án số: 154/2019/DS-PT

Ngày: 11- 6 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Hoàng N – Sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Trương Minh C – Sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: 124, C, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Hoàng N: Bà Đỗ Cẩm L, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S) - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ông Ngô Đình C – Sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: 142, P, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn S – Sinh năm 1949 (vắng mặt).

Bà Lê Mộng T – Sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn huyện C (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh C.

Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh C.

Người kháng cáo: Ông Bùi Hoàng N

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, do ông Trương Minh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Bùi Văn T và cụ Nguyễn Thị L là cha mẹ ông N và ông S đã khai phá tổng diện tích khoảng 8.000m², tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993, họp gia đình thống nhất cho ông N phần đất diện tích 2.000m² (không lập thành văn bản - không đo đạc mà chỉ cắm ranh, đào bờ để xác định vị trí đất). Sau khi được mẹ cho đất ông N đi làm ăn xa đến năm 1998 trở về canh tác trên phần đất này và đến Ủy ban nhân dân huyện C để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông N đang quản lý, sử dụng thì phát hiện phần đất của ông N đã được cấp cho ông S và ông S1. Ông N khởi kiện ông S1 ra Tòa án thì đã được Tòa án buộc ông S1 trả lại cho ông N phần đất với diện tích 1.031,8m² và ông đã đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất này. Đối với phần đất của ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùm lên phần đất của ông theo đo đạc thực tế có diện tích 1.068,8m², ông N có yêu cầu ông S trả lại nhưng ông S không đồng ý. Nay ông yêu cầu công nhận diện tích đất canh tác và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S với diện tích 1.068,8m² để cấp lại cho ông N.

Bị đơn, ông Bùi Trọng S trình bày: Trước đây mẹ ông để lại đất cho ông và ông S1, không cho đất ông N vì mẹ ông có cho nhưng ông N không nhận. Ông được mẹ cho 3.660m² và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Năm 1998, khi ông N về xin đất để canh tác, mẹ ông cũng đồng ý cho ông N 1.000m² nên ông và ông S1 cũng thống nhất cho ông N 1.000m² trên phần đất của ông đang quản lý nhưng vì ông thờ cúng cha mẹ nên ông S1 thống nhất cho ông N phần đất của ông S1 là 1.000m². Tại biên bản giải quyết năm 1998 có ghi ông đồng ý cho ông N 1.000m² đất nhưng sau đó ông N sửa số trong biên bản từ số 1.000m² thành 1.980m² và đi kiện ông S1 để đòi 2.196m². Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tại bản án phúc thẩm số 33/PTDS ngày 09/3/2005 công nhận diện tích đất thực tế cho ông N là 1.031,8m², ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Nay ông tiếp tục khởi kiện đòi phần đất 1.068,87m² do ông đang quản lý, ông không đồng ý.

Bà Lê Mộng T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông S.

Ông Bùi Văn S trình bày: Quan hệ giữa ông và ông N, ông S là anh em ruột. Năm 1987 mẹ ông có kêu ông N về nhận đất nhưng ông N không nhận nên mẹ ông chia đất cho ông và ông S. Khi ông N về xin đất thì mẹ ông không đồng ý chia đất cho ông N vì đã chia toàn bộ phần đất cho ông và ông S. Năm 1993 không họp gia đình để cho đất ông N vì khi đó ông N đang chấp hành hình phạt tù, sau khi ông N

về, thấy ông N không có đất sản xuất nên mẹ ông, ông và ông S mới bàn bạc đồng ý cho ông N phần đất diện tích 1.000m^2 cắt từ đất ông vì ông được cho đất nhiều hơn ông S và ông S là con út thờ cúng cha mẹ, nhưng chưa kịp cho đất thì ông N khởi kiện và đã cắt đất của ông diện tích là $1.031,8\text{m}^2$. Ông xác định phần đất đang tranh chấp là của ông S.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Cái Nước có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ông Bùi Trọng S và bà Lê Mộng T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S đứng tên để vay tiền Ngân hàng số tiền gốc là 33.500.000 đồng, ngày 07/11/2017 đã thanh toán xong, nay Ngân hàng không có yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng N đối với ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S) về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích $1.186,1\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Trọng S.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/3/2019 ông Bùi Hoàng N kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 07/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước kháng nghị bản án theo hướng đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và sửa phần án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Hoàng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N và ông S đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông N và ông S là cụ Bùi Văn Tvà cụ Nguyễn Thị L để lại có diện tích khoảng 8.000m^2 .

[2] Ông N khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp là của ông với lý do cho rằng năm 1993 ông N được bà Liễn cho 2.000m^2 tại cuộc họp gia đình nhưng không thể hiện bằng văn bản và không được ông S1, ông S thừa nhận. Trong khi đó tại hồ sơ thể hiện năm 1993 ông N đang chấp hành Bản án hình sự phúc thẩm số 434/HSPT ngày 19/6/1991. Như vậy việc ông Ncho rằng trong thời gian chấp hành hình phạt tù ông được về phép và được mẹ ông họp gia đình để cho đất là chưa có cơ sở thuyết phục.

Tại biên bản giải quyết về việc tranh chấp đất đai ngày 10/7/1998 do ông S ký tên thể hiện cho ông N 1.000m^2 được ông N thừa nhận, phù hợp với lời trình bày của ông S cho rằng năm 1998 ông có đồng ý cho ông N 1.000m^2 đất và ông N cũng thừa nhận sau đó ông N có sửa số lại thành 1.980m^2 . Đồng thời ông S1 thừa nhận khi ông S hứa cho đất ông Nô, do ông S nuôi mẹ và thờ cúng nên ông S1

đồng ý cho ông N 1.000m² đất trên phần đất của ông S1 để ông S không phải cho đất ông N và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S1 cho ông N tại bản án phúc thẩm số 33/PTDS ngày 09/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Xét thấy, ông N không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông N được cụ Liễn cho diện tích đất nhiều hơn 1.000m². Căn cứ theo biên bản ngày 10/7/1998 và biên bản họp dân ngày 16/04/2003 chưa có cơ sở để chấp nhận buộc ông S phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông N theo quy định tại Điều 722 Bộ luật dân sự năm 2005: *“Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao quyền sử dụng đất cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù và bên được tặng cho đồng ý nhận theo quy định của Bộ luật này và Luật Đất đai”* và theo quy định tại Điều 725 quy định: *“Bên được tặng cho quyền sử dụng đất có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”*. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông N xác định là ông N chỉ nhận đất của bà L cho chứ không nhận đất của ông S cho.

Như vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 1.186,1m² cho ông N và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S cho ông N.

[3] Từ những nhận định trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không chấp nhận yêu cầu của ông N là phù hợp.

[4] Đối với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước đã bị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút toàn bộ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị.

[5] Xét kháng cáo của ông N về việc xin miễn án phí do ông là thương binh hạng ¾ và là người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy ông N là người cao tuổi nhưng do giai đoạn sơ thẩm ông không có đơn xin miễn nên cấp sơ thẩm buộc nộp là đúng qui định. Đến giai đoạn phúc thẩm ông có xin miễn án phí được thể hiện tại đơn kháng cáo nên được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Hoàng Nô.

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về phần án phí.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng N đối với ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S) về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích 1.186,1m², tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S).

Phần đất có vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất ông Bùi Trọng S cạnh M2, M3 dài 18,43 mét; Hướng Tây giáp quốc lộ 1A cạnh M1, M4 dài 17,64 mét; Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn Bình cạnh M3, M4 dài 67,97 mét; Hướng Bắc giáp phần đất ông Bùi Hoàng N cạnh M1, M2 dài 65,92 mét. Tổng diện tích 1.186,1 m².

Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Hoàng N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.033.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 4.400.000 đồng, ông N đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.080.600 đồng. Ông Bùi Hoàng N được miễn. Ngày 03/10/2017 ông N đã dự nộp 1.000.000 đồng tại biên lai số 0003808 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Hoàng N không phải chịu, ông N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005199 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Hồ Minh Tấn

Hà Thanh Hùng

